TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 9 - 2025
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Đại;

2. Ông Phùng Đức Ấm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Vũ Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 116/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị ***Nguyễn Thị Hồng P,*** sinh năm 1984.

2. Bị đơn: Anh ***Nguyễn Thế L***, sinh năm 1983.

Đều có địa chỉ: T, xã C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị P vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thế L tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2005 tại UBND xã Đ Cũ (nay là xã C, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh L tại xã Đ Cũ (nay là xã C, tỉnh Phú Thọ). Quá trình chung sống được hơn một năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L không quan tâm đến gia đình, mâu thuẫn trầm trọng nhất và khoảng tháng 4/2023 anh L đã bỏ đi làm ăn tự do. Chị và anh

L sống ly thân từ đó đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thế L.

Về con chung: Chị P xác định vợ chồng có ba con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 06/01/2007, cháu Nguyễn Bảo K, sinh ngày 17/01/2010 và cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 26/9/2015 (đều đang ở cùng chị P). Hiện cháu Nguyễn Thị Hồng M đã thành niên, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi cháu M. Ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Bảo K và Nguyễn Tiến Đ và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, tài sản cho vay, nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng anh L không có mặt nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh L và không tiến hành hòa giải được.*

Bà Trần Thị K1 là mẹ đẻ của anh Nguyễn Thế L cho biết: Sau kết hôn, chị P và anh L về chung sống cùng gia đình bà, sau đó anh L đi làm ăn tự do tại Hà Nội. Quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn, anh L vẫn đi làm ăn tự do còn chị P và các con ở cùng với gia đình bà. Chị P và anh L có ba con chung như chị P trình bày ở trên. Hiện cháu Nguyễn Thị Hồng M đã thành niên, còn cháu K và cháu Đ đang ở cùng bà và chị P, các khoản chi phí sinh hoạt và học phí của các cháu đều do chị P lo cho các cháu. Bà xác nhận đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án triệu tập anh L đến để làm việc, tham gia phiên họp và hòa giải. Bà đã thông báo cho anh L được biết, nhưng anh L không về. Bà nhận thay cho anh L các văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết sẽ thông báo, giao ngay tận tay cho anh L.

Kết quả xác minh tại địa phương, UBND xã C cho biết: Chị P và anh L có đăng ký kết hôn ngày 26/12/2005 tại UBND xã Đ cũ, nay là xã C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, chị P và anh L có xảy ra mâu thuẫn, anh chị không chung sống cùng nhau từ tháng 4 năm 2023 đến nay. Anh L đi làm ăn tự do không thường xuyên có mặt tại địa phương, các con của chị P, anh L là các cháu Nguyễn Thị Hồng M cháu Nguyễn Bảo K và Nguyễn Tiến Đ đang ở cùng chị P và bà Trần Thị K1 (mẹ đẻ anh L), cháu M đã thành niên, có khả năng lao động, cháu K và cháu Đ do chị P trực tiếp chăm sóc. Anh L đi làm ăn tự do, thỉnh thoảng vẫn về gia đình và có biết việc chị P xin ly hôn.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Phú Thọ phát biểu:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng P được ly hôn với anh Nguyễn Thế L.

Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Hồng M đã thành niên, có khả năng lao động nên không giải quyết về việc nuôi cháu M. Giao cho chị Nguyễn Thị Hồng P trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Bảo K, sinh ngày 17/01/2010 và cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 26/9/2015, kể từ tháng 9/2025 đến khi từng con chung thành niên, có khả năng lao động. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P cho cháu K và cháu Đ do chị P không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị P phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng P khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Nguyễn Thế L trú tại: xã Đ Cũ (nay là xã C, tỉnh Phú Thọ) đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 06 năm 2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Xét về sự vắng mặt của chị P và anh L, thấy rằng: Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt, còn anh L đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt hai bên là phù hợp theo quy định khoản 1 và khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng P và anh Nguyễn Thế L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn ngày 26/12/2005, do vậy hôn nhân giữa chị P và anh L là hợp pháp. Chị P xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 4 năm 2023, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Qua xác minh tại địa phương và tại gia đình anh L, cho thấy: Anh L đi làm ăn tự do, chị P và anh L không chung sống cùng nhau từ tháng 4/2023 đến nay. Xét thấy, chị P, anh L không thực hiện đúng nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, cụ thể anh chị không sống chung với nhau, không còn quan tâm đến nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình... Kể từ khi chị P yêu cầu ly hôn đến nay, anh L không thể hiện mong muốn vợ chồng đoàn tụ để xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, do vậy mục đích hôn nhân giữa chị P và anh L không đạt được. Xét yêu cầu ly hôn của chị P là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị P và anh L có ba con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 06/01/2007, cháu Nguyễn Bảo K, sinh ngày 17/01/2010 và cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 26/9/2015. Hiện cháu M đã thành niên, có khả năng lao động, còn cháu K và cháu Đ chưa thành niên (đều đang ở cùng chị P). Điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung được chị P đảm bảo đầy đủ. Anh L không thể hiện quan điểm về việc nuôi con, do vậy sau ly hôn giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K và cháu Đ là phù hợp với điều kiện hiện nay và sự ổn đinh, phát triển của các cháu. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con xét là tự nguyện nên không buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị P.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Chị P không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Nếu sau ly hôn, các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc khác.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị P phải chịu 300.000 đồng.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng P được ly hôn anh Nguyễn Thế L.

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 06/01/2007 đã thành niên, có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết về việc nuôi cháu M. Giao cho chị Nguyễn Thị Hồng P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Bảo K, sinh ngày 17/01/2010 và cháu Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 26/9/2015 (đều đang ở cùng chị P) kể từ tháng 9/2025 đến khi từng cháu thành niên, có khả năng lao động. Anh Nguyễn Thế L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P cho cháu K và cháu Đ (do chị P không yêu cầu).

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau ly hôn, các bên có tranh chấp và có yêu cầu, thì Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo "Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án" số 0000663 ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ, xác nhận chị P đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.